

| SPOKEN          |        |                        |          |       |
|-----------------|--------|------------------------|----------|-------|
| Award           |        | Name                   | Country  | Score |
| Kid Category    | Gold   | BÙI THỊ THANH TÂM      | VIET NAM | 151   |
|                 | Silver | PHÙNG THANH THẢO       | VIET NAM | 137   |
|                 | Bronze | LÊ DIỆP CHI            | VIET NAM | 124   |
| Junior Category | Gold   | NGUYỄN NGỌC KHÁNH UYÊN | VIET NAM | 137   |
|                 | Silver | BÙI HƯƠNG GIANG        | VIET NAM | 130   |
|                 | Bronze | TRẦN HÀ HẠ AN          | VIET NAM | 128   |
| Adult Category  | Gold   | NGUYỄN THÙY DƯƠNG      | VIET NAM | 136   |
|                 | Silver | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | VIET NAM | 131   |
|                 | Bronze | TRẦN KIM CHÂU          | VIET NAM | 128   |
| Senior Category | Gold   | TRƯƠNG CÔNG HẢI        | VIET NAM | 110   |
|                 | Silver | NGUYỄN THỊ HẰNG        | VIET NAM | 90    |
|                 | Bronze | CHRISTINE ANDRE        | BELGIUM  | 85    |